

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 97/TBBP- HSCB/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC**

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 02716 559 589

E-mail: binhphuoc.fococev@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 3800438905

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ISO 9001: 2015 số HT 4217/2.22.03; Ngày cấp: 03/03/2022; ISO 22000: 2018 số HA 478/2.22.CIV; Ngày Cấp: 03/03/2022; Nơi cấp: Trung Tâm chứng nhận phù hợp (Quacert)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Tinh bột sắn
2. Thành phần: Sắn củ tươi được kiểm tra chất lượng, đảm bảo không thối mốc, không xâm kim, không lẫn đất đá, sỏi, kim loại và không để quá 24 giờ sau khi nhập.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Tinh bột sắn thành phẩm được đóng gói bằng bao bì PP/PE, với khối lượng tịnh là 50/kg/bao, hoặc có thể đóng gói với các khối lượng khác (20 kg/bao; 25 kg/bao; 850 kg/bao) tùy theo yêu cầu của khách hàng.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty cổ phần tinh bột sắn Bình Phước
Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Theo TCVN 10546: 2014 Tiêu chuẩn Quốc gia về Tinh bột sắn

- Đối với chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Có màu trắng sáng tự nhiên
2	Mùi	Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
3	Trạng thái	Dạng bột khô, mịn, không bị vón cục, không bị mốc, không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường, bao gồm cả côn trùng sống và xác côn trùng

- Đối với chỉ tiêu hóa lý:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp thử
1	Độ ẩm	%	≤ 13	TCVN 9934: 2013 hoặc AOAC 925.10
2	Độ trắng	%	≥ 90	ISI 44 – 1e (Máy KETT- C100)
3	Hàm lượng tinh bột	%	≥ 85	TCVN 9935: 2013 hoặc AOAC 945.37
4	pH (dd 10%)	-	5 – 7	AOAC 943.02
5	Cỡ hạt (rây 150 mesh)	%	≥ 95	ASTM sieves
6	Tro tổng số	%	$\leq 0,2$	TCVN 9939:2013 hoặc AOAC 923.03
7	Hàm lượng SO ₂	ppm	≤ 50	TCVN 7967:2008 hoặc AOAC 962.16
8	Xơ thô	%	$\leq 0,2$	TCVN 4998:1989 hoặc AOAC 920.86
9	Độ nhớt	BU	≥ 750	Type Brabender ISI 19

2. Theo QCVN 8-1: 2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp thử
1	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	≤ 2	AOAC 990.32
2	Aflatoxin tổng số B1, B2, G1, G2	$\mu\text{g/kg}$	≤ 4	AOAC 990.32

3. Theo QCVN 8-2: 2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp thử
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	$\leq 0,5$	AOAC 986.15
2	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,2$	AOAC 972.25
3	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 0,1$	AOAC 973.34
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH	AOAC 974.21

4. Theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Áp dụng đối với chỉ tiêu vi sinh vật)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp thử
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^6$	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	Tổng số Coliforms	CFU/g	$\leq 10^3$	TCVN-6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Escherichia Coli	CFU/g	$\leq 10^2$	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	Staphylococcus aureus	CFU/g	$\leq 10^2$	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1999 With Amendment 2003)
5	Clostridium Perfringens	CFU/g	$\leq 10^2$	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
6	Bacillus Cereus	CFU/g	$\leq 10^2$	TCVN 4992:2005 (ISO 7932:2004)
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	$\leq 10^3$	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)

5. Theo QCVN 8796: 2011 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bột sản thực phẩm đối với hàm lượng hóa chất không mong muốn.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp thử
1	Hàm lượng Axit xyanhydric tổng số	mg/kg	≤ 10	TCVN 8796:2011 hoặc AOAC 936.11

6.Theo QCVN 12-1: 2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp (Áp dụng đối với bao bì bao gói, chứa đựng thực phẩm loại PE/PP)

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Chì	100 µg/g	Kim loại nặng	60°C trong 30 phút	Acid acetic 4%	1 µg/ml
Cadimi	100 µg/g	Lượng KMnO ₄ sử dụng		Nước	10 µg/ml
		Cặn khô			30 µg/ml

7. Luật An toàn thực phẩm số: 55/2010/QH12.

8. Tiêu chuẩn ISO 22000: 2018 đối với hệ thống quản lý An toàn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bù Đăng, ngày 01 tháng 03 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Hải

67 cm

104 cm

CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC BINH PHUOC TAPIOCA STARCH JOINT STOCK COMPANY

Xã Đức Liễu, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Duc Lieu Commune, Bu Dang District, Binh Phuoc Province, S.R. Vietnam
Tel: 84.28.39255098 * Fax: 84.28.39255099 * Website: www.fococev.com * Email: fococevhcm@fococev.com



DÙNG CHO THỰC PHẨM FOOD GRADE

Khối lượng tịnh (Net Weight): 50 kg
Độ trắng (Whiteness): $\geq 90\%$
Hàm lượng tinh bột (Starch): $\geq 85\%$
Công bố chất lượng (Quality Announcement): 97/TBBP-HSCB/2022
Bảo quản: Khô ráo, thoáng mát
Ngày sản xuất: Đóng trên thân bao bì sản phẩm
在华注册编号 CHINA REG. NO. CVNM20012203300199
Số lô (批次号): BP1809

品名: 木薯淀粉	品牌: FOCOCEV
用途: 食品级	
产地: 越南	
等级: 一级	
产品规格:	
淀粉含量: 85% 最小	- 水份: 13% 最大 - pH值: 5-7
粘度: 750 BU 最小	- 白度: 90% 最小
净含量: 50 公斤	
生产日期 (NGÀY SX):	2023 年 09 月 18 日
保质期: 24 个月	
贮存条件: 通风, 干燥	
质量公布编号: 97/TBBP-HSCB/2022	
厂名: 平福木薯淀粉股份公司	生产地址: 越南平福省浦登县德柳乡
产品质量合格	
输往中华人民共和国	



Sản xuất tại Việt Nam
Produced in Viet Nam

Hạn sử dụng (Expiry date): 24 tháng kể từ ngày sản xuất / 24 months from production date

3.0 cm

3800
CÔNG
CỔ P
TINH B
BÌNH P
ĐĂNG-T

Số: 60/TBBP

Bù Đăng, ngày 26 tháng 08 năm 2024

THÔNG BÁO

“V/v: Bổ sung thông tin trên bao bì sản phẩm”

Kính gửi: Quý đối tác, Quý khách hàng

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước trân trọng gửi tới Quý đối tác, Quý khách hàng lời tri ân chân thành và sâu sắc nhất. Cảm ơn Quý đối tác và khách hàng đã tin nhiệm sản phẩm Tinh bột sắn của hệ thống Fococev nói chung, Tinh bột sắn mác (Logo) con ngựa nói riêng trong suốt thời gian qua.

Nhằm nâng cao việc nhận diện thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và đáp ứng yêu cầu xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc.

Để phục vụ tốt hơn cho việc phát triển thương hiệu và cải thiện chất lượng bao bì nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước trân trọng thông báo đến Quý Đối tác và Khách hàng về việc bổ sung nhãn mác bao bì sản phẩm như sau:



Mẫu cũ



Mẫu đang áp dụng

+ Mẫu cũ, dòng cuối cùng bên góc trái không có dòng chữ Số lô: và không có 02 dòng chữ tiếng Trung cuối cùng trong ô vuông góc bên phải. mẫu cũ được áp dụng từ ngày 17/09/2023 trở về trước.

+ Mẫu mới, được bổ sung 01 dòng chữ Số lô: BP nhằm thể hiện số lô, được sản xuất vào thời gian tương ứng, mục đích phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc khi cần thiết (Dòng chữ

Số lô sẽ có thay đổi theo thời gian sản xuất thực tế) và 02 dòng chữ tiếng Trung cuối cùng trong ô vuông góc bên phải được dịch ra là (Sản phẩm đạt chất lượng, được phép xuất khẩu vào Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa) mẫu mới được áp dụng từ ngày 18/09/2023 đến khi có thông báo thay đổi.

Những thay đổi, bổ sung trên bao bì sản phẩm chỉ nhằm mục đích xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc theo yêu cầu và không làm thay đổi chính sách chất lượng đã cam kết với Quý đối tác và khách hàng.

Bằng văn bản này Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước, trân trọng Thông báo đến Quý đối tác và khách hàng thông tin thay đổi, bổ sung trên bao bì sản phẩm, kính mong Quý đối tác, khách hàng, tạo điều kiện và cập nhật thông tin giúp Công ty. Công ty cam kết sẽ cập nhật lại hồ sơ Công bố chất lượng gửi tới cơ quan có thẩm quyền xác nhận và sẽ cung cấp hồ sơ tới Quý đối tác, khách hàng sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt xong hồ sơ.

Trân trọng !

Nơi nhận :

Như trên
Lưu VT



Nguyễn Thị Minh Hải



Vinacontrol
SINCE 1957

Vinacontrol HoChiMinh City
80 Ba Huyen Thanh Quan St., Dist. 3,
Ho Chi Minh City
Tel : (84.28) 39.316323 - 39.316704
Fax : (84.28) 39.316961 - 38.437861
vinahochiminh@vinacontrol.com.vn
www.vinacontrol.com.vn

Số/ No.: 22G15TND00740-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Certificate of analysis

Đơn vị yêu cầu và gửi mẫu/ Client:	CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SÁN BÌNH PHƯỚC BINH PHUOC TAPIOCA STARCH JOINT STOCK COMPANY		
Tên mẫu/ Sample name:	Tinh bột sắn / Tapioca starch		
Ký hiệu mẫu/ Sample name ID:	Không		
Ngày nhận mẫu/ Date samples received:	17.01.2022	Ngày thử nghiệm/ Testing time:	17.01.2022
Ngày trả kết quả/ Date report:	28.01.2022		
Thời gian lưu mẫu/ Time-limit of storage:	01 tháng/ month		

I. Tình trạng mẫu/ Sample description:

- Niêm phong/ Seal: Không/ None
- Ngoại quan/ Appearance: Dạng bột / Powder
- Bao gói/ Packing: Túi nhựa / Plastic bag

II. Kết quả thử nghiệm/ Test results

STT/ No.	Tên chỉ tiêu thử nghiệm/ Tests	Đơn vị/ Unit	Kết quả thử nghiệm/ Results	Phương pháp thử/ Test method
1	Độ mịn (100 mesh) / Fineness	%	99.9	PP-2B11.13-H-TT2
2	Độ ẩm / Moisture	%	12.8	AOAC 925.10
3	Độ trắng / Whiteness	%	94.7	Ref.ISI 44 Minolta (Hunter Lab Mode)
4	Tinh bột / Stach	%	86.0	AOAC 945.37
5	Tro/ Ash	%	0.07	AOAC 923.03
6	Xơ / Fiber	%	Không phát hiện Not detected (LOD:0.03)	AOAC 920.86
7	pH (dung dịch 10% ở 25°C) (10% solution at 25°C)	-	6.24	AOAC 943.02
8	HCN	%	Không phát hiện (LOD:0.01)	AOAC 936.11
9	Độ nhớt (dung dịch 6%) / Viscosity (6% solution)	BU	994	Type Brabender ISI 19
10	SO ₂	mg/kg	5.36	AOAC 962.16
11	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	< 0.018(LOQ)	PP 17-AAS-TT2
12	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	Không phát hiện Not detected (LOD:0.02)	PP 17-AAS-TT2
13	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	Không phát hiện Not detected (LOD:0.03)	PP 17-AAS-TT2
14	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	Không phát hiện Not detected (LOD:0.03)	PP 17-AAS-TT2
15	Aflatoxins (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	Không phát hiện Not detected (LOD:0.2 mỗi chất)	PP 3.1.6. HPLC-TT2 (Ref AOAC 990.33)
16	Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện Not detected (LOD:0.2)	PP 3.1.6. HPLC-TT2 (Ref AOAC 990.33)

Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, dựa vào năng lực và hiểu biết tốt nhất của chúng tôi tại thời điểm thử nghiệm. Hết thời hạn lưu mẫu, Vinacontrol không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
(*) Phép thử được công nhận VILAS(ISO/IEC 17025) ; (**) Phép thử sử dụng nhà thầu phụ ; (H) phép thử được các Bộ, ngành chỉ định;
LOD : giới hạn phát hiện, LOQ: giới hạn định lượng.
Địa chỉ PTN: Lô U 18A đường 22 KCX Tân Thuận Q7, Tp.HCM ; Tel: 028.37700922; Fax: 028.37700997. Web: lab.vinacontrol.com.vn.
Email: labvinacontrol@yahoo.com



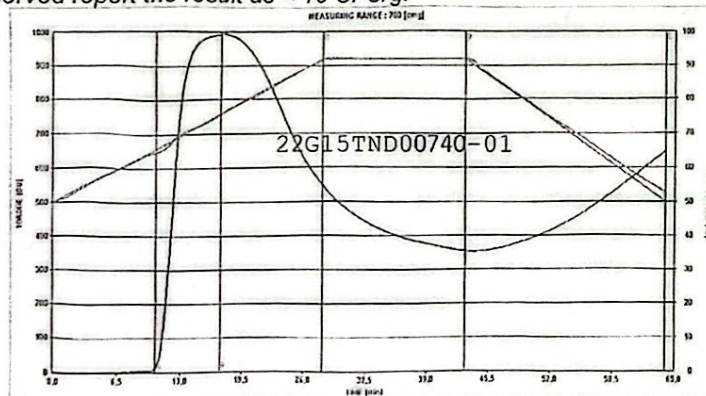


Số/ No.: 22G15TND00740-01

17	Tổng số vi khuẩn hiếu khí / Total plate count	CFU/g	9.3 x 10 ³	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
18	Định lượng Escherichia coli dương tính β-glucuronidaza / Enumeration of β- glucuronidaza-positive Escherichia coli	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
19	Định lượng Clostridium perfringens / Enumeration of Clostridium perfringens	CFU/g	<10	TCVN 4991:2005 2 (ISO 7937:2004)
20	Định lượng Bacillus cereus giả định / Enumeration of presumptive Bacillus cereus	CFU/g	<10	TCVN 4992:2005 (ISO 7932:2004)
21	Tổng số nấm men, nấm mốc / Yeast & Mould	CFU/g	4.5 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
22	Định lượng Staphylococci dương tính coagulase / Enumeration of coagulase- positive Staphylococci	CFU/g	<10	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999 with Amendment 1 : 2003)
23	Định lượng Coliforms / Enumeration of Coliforms	CFU/g	<10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Ghi chú/ Note:

- < 10 CFU/g : không có khuẩn lạc nào hiện diện trên đĩa thạch môi trường/
If no growth observed report the result as < 10 CFU/g.



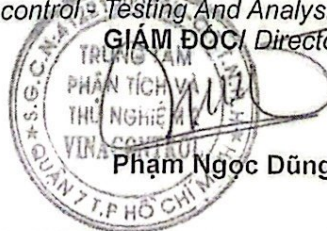
PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT/
Technical Manager

Phan Liên Châu

VINACONTROL - TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ THỬ NGHIỆM 2 /

Vinacontrol Testing And Analysis Center No. 2

GIÁM ĐỐC/ Director



Phạm Ngọc Dũng

Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, dựa vào năng lực và hiểu biết tốt nhất của chúng tôi tại thời điểm thử nghiệm. Hết thời hạn lưu mẫu, Vinacontrol không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

(*) Phép thử được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025); (**) Phép thử sử dụng nhà thầu phụ; (#) phép thử được các Bộ, ngành chỉ định;

LOD : giới hạn phát hiện, LOQ: giới hạn định lượng.
Địa chỉ PTN: Lô U 18A đường 22 KCX Tân Thuận Q7, Tp.HCM; Tel: 028.37700922; Fax: 028.37700997. Web: lab.vinacontrol.com.vn.
Email: labvinacontrol@yahoo.com



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TINH BỘT SẢN BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 62 /TBBP

"V/v: Xin thông báo bổ sung thông tin trên
bao bì sản phẩm vào hồ sơ công bố"

Bù Đăng, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẢN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 02716 559 589.

Vừa qua chúng tôi đã tự công bố

Tên sản phẩm	Số tự công bố	Ngày nhận hồ sơ	Thông tin cũ	Thông tin mới
Bao bì PP	97/TBBP-HSCB/2022	01/03/2022	Mẫu cũ, dòng cuối cùng bên góc trái không có dòng chữ Số lô:và không có 02 dòng chữ tiếng Trung cuối cùng trong ô vuông góc bên phải. mẫu cũ được áp dụng từ ngày 17/09/2023 trở về trước.	Mẫu mới, được bổ sung 01 dòng chữ Số lô: BP..... nhằm thể hiện số lô, được sản xuất vào thời gian tương ứng, mục đích phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc khi cần thiết (Dòng chữ Số lô sẽ có thay đổi theo thời gian sản xuất thực tế) và 02 dòng chữ tiếng Trung cuối cùng trong ô vuông góc bên phải được hiểu là (Sản phẩm đạt chất lượng, được phép xuất khẩu vào Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa) mẫu mới được áp dụng từ ngày 18/09/2023 đến khi có thông báo thay đổi.

Chúng tôi xin cam kết

Những thay đổi, bổ sung trên bao bì sản phẩm chỉ nhằm mục đích xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc theo yêu cầu và không làm thay đổi chính sách chất lượng đã cam kết với Quý đối tác và khách hàng.

Thông tin trước và sau khi thay đổi như sau:



Mẫu cũ



Mẫu đang áp dụng

+ Mẫu cũ, dòng cuối cùng bên góc trái không có dòng chữ **Số lô**: và không có 02 dòng chữ tiếng Trung cuối cùng trong ô vuông góc bên phải. mẫu cũ được áp dụng từ ngày 17/09/2023 trở về trước.

+ Mẫu mới, được bổ sung 01 dòng chữ **Số lô**: **BP** nhằm thể hiện số lô, được sản xuất vào thời gian tương ứng, mục đích phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc khi cần thiết (**Dòng chữ Số lô sẽ có thay đổi theo thời gian sản xuất thực tế**) và 02 dòng chữ tiếng Trung cuối cùng trong ô vuông góc bên phải được dịch ra là (**Sản phẩm đạt chất lượng, được phép xuất khẩu vào Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa**) mẫu mới được áp dụng từ ngày 18/09/2023 đến khi có thông báo thay đổi.

Trân trọng !

Nơi nhận :

Như trên
Lưu VT

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TINH BỘT SẮN
BÌNH PHƯỚC
H. BÙ ĐĂNG - T. BÌNH PHƯỚC
Nguyễn Thị Minh Hải

Số: 61/TBBP

Bù Đăng, ngày 26 tháng 08 năm 2024

THÔNG BÁO

"V/v: Bổ sung thông tin trên bản tự công bố và nhãn sản phẩm"

Kính gửi: SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Thôn 2, Xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 02716 559 589

Công ty chúng tôi đã đăng ký Tự công bố sản phẩm số 97/TBBP-HSCB/2022, ngày 01/03/2022.

Nhằm nâng cao việc nhận diện thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và đáp ứng yêu cầu xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc.

Để phục vụ tốt hơn cho việc phát triển thương hiệu và cải thiện chất lượng bao bì nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước trân trọng thông báo đến Quý cơ quan quản lý nhà nước về việc bổ sung nhãn mác bao bì sản phẩm như sau:



Mẫu cũ



Mẫu đang áp dụng

+ Mẫu cũ, dòng cuối cùng bên góc trái không có dòng chữ **Số lô**: và không có 02 dòng chữ tiếng Trung cuối cùng trong ô vuông góc bên phải. mẫu cũ được áp dụng từ ngày 17/09/2023 trở về trước.

+ Mẫu mới, được bổ sung 01 dòng chữ **Số lô**: **BP** nhằm thể hiện số lô, được sản xuất vào thời gian tương ứng, mục đích phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc khi cần thiết (*Dòng chữ Số lô sẽ có thay đổi theo thời gian sản xuất thực tế*) và 02 dòng chữ tiếng Trung cuối cùng trong ô vuông góc bên phải được hiểu là (**Sản phẩm đạt chất lượng, được phép xuất khẩu vào Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa**) mẫu mới được áp dụng từ ngày 18/09/2023 đến khi có thông báo thay đổi.

Những thay đổi, bổ sung trên bao bì sản phẩm chỉ nhằm mục đích xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc theo yêu cầu và không làm thay đổi chính sách chất lượng đã Tự công bố.

Bằng văn bản này Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước, trân trọng Thông báo đến Quý cơ quan quản lý nhà nước thông tin thay đổi, bổ sung trên bao bì sản phẩm.

Kính mong Quý cơ quan ghi nhận thông báo điều chỉnh thông tin trên của chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận :

Như trên
Lưu VT



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Minh Hải